TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1501/2025/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1279/2025/TLHNGĐ - ST ngày 04/12/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương L, sinh ngày 04/09/1994
Căn cước công dân số 079194015731
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường Thông Tây Hội, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh ngày 19/05/1995
Căn cước công dân số 079095009993
Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM
(Nay là phường An Hội Tây, thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hôn nhân: Bà Trần Thị Phương L và ông Trần Thanh T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 55, đăng ký ngày 25/7/2018, do Ủy ban nhân dân phường A, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Bà Trần Thị Phương L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung tên Trần Ngọc Linh D, sinh ngày 24/11/2019 cho đến khi trưởng thành.

Ông Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng một tháng). Các đương sự tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con; Bắt đầu thực hiện kể từ ngày 15/12/2025 cho đến khi cả con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông Trần Thanh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì bà Trần Thị Phương L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con. Khi có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Trần Thị Phương L chịu. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Phương L đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0046269 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Hoàn lại cho bà Trần Thị Phương L số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*). Bà Trần Thị Phương L tự nguyện không nhận án phí hoàn lại nên sung vào công quỹ số tiền này.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014). 6/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Lê Tứ Nhị